

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày: 30-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đào Khel

2/ Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLST-DS ngày 14/4/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-DS ngày 24/5/2022 giữa các đương sự:

– Nguyên đơn: Ngân hàng B.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà C, đường T, Phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Đắc L, sinh năm 1989. Địa chỉ liên hệ: Ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

– Bị đơn: Bà Lê Thị Thẽ X, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường D, khóm F, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 17/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Đắc L trình bày: Bà Lê Thị Thẽ X vay vốn của Ngân hàng B các hợp đồng tín dụng như sau:

* *Hợp đồng tín dụng số HDTD40B202000291 ngày 29/12/2020.*

Số tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay 05 năm, phương thức cho vay từng lần. Kỳ hạn trả gốc của khế ước nhận nợ số 40B202000291/01 theo HDTD40B202000291 như sau: Gốc được chia làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.667.000 đồng, vào ngày 01 hàng tháng, kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày đáo hạn của hợp đồng tín dụng. Kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 01/02/2021. Kỳ hạn trả gốc của khế ước nhận nợ số 40B202000291/02 theo HDTD40B202000291 như sau: Gốc được chia làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.667.000 đồng, vào ngày 01 hàng tháng, kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày đáo hạn của hợp đồng tín dụng. Kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 01/02/2021. Kỳ hạn trả nợ

lãi: Lãi vay được trả cùng với tiền gốc, lãi vay tính theo dư nợ thực tế. Mục đích vay tiêu dùng.

Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn : Số tiền 100.000.000 đồng áp dụng lãi suất ưu đãi là 9,4%/năm và số tiền 100.000.000 đồng áp dụng lãi suất thường theo XHTD là 12,7%/năm. Lãi suất cho vay này được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày và được dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định tại hợp đồng. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức lãi suất định kỳ thay đổi trong thời hạn cho vay, theo đó:

Số tiền 100.000.000 đồng áp dụng lãi suất ưu đãi: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Theo đó, lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định như sau: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + 1,5%/năm.

Số tiền 100.000.000 đồng áp dụng lãi suất thông thường: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Theo đó, lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định như sau: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + 7,45%/năm

Bên vay cam kết thời gian làm việc tại Ngân hàng tối thiểu 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân gần nhất tính đến thời điểm nghỉ việc của bên vay tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD40B202000291 (Thời gian cam kết gọi là Tc).

Trong trường hợp, bên vay vi phạm cam kết về thời gian làm việc và đang còn dư nợ tại bên cho vay: Lãi suất cho vay = lãi suất cho vay tối thiểu tương ứng với mục đích cho vay áp dụng đối với khách hàng cá nhân có cùng thời hạn vay và xếp hạn tín dụng theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ + Margin (Margin của khoản vay được xác định trên thời gian làm việc thực tế của Bên vay tại Ngân hàng (Thời gian thực tế gọi là Tt), khi đó: Margin = 1%/năm nếu $Tt \leq 50\% Tc$; Margin = 0,5%/năm nếu $50\% Tc < Tt \leq 80\% Tc$; Margin = 0,2%/năm nếu $80\% Tc < Tt \leq 100\% Tc$; Margin = 0 nếu $Tt \geq 100\% Tc$.

Lãi suất cho vay sẽ áp dụng đối với toàn bộ dư nợ còn lại của bên vay tại ngân hàng kể từ ngày hiệu lực của Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Cho vay không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình vay, bà X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, số tiền tạm tính đến ngày 30/6/2022 là: Nợ gốc 166.610.000 đồng, lãi 14.463.965 đồng (gồm lãi trong hạn 12.706.258 đồng, lãi quá hạn 1.757.707 đồng). Tổng cộng 181.073.965 đồng.

** Hợp đồng tín dụng số HDTD40B202000290 ngày 29/12/2020.*

Số tiền vay: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Thời hạn hiệu lực của hợp đồng cho vay là 01 năm (12 tháng). Phương thức cho vay: Cấp hạn mức thấu chi không tài sản bảo đảm. Thu nợ gốc thấu chi: Nợ gốc được tự động trả vào cuối ngày khi hệ thống tự động trích từ Tài khoản lương tính có tính năng thanh toán sang TKLT- TC số tiền bằng số dư nợ của TKLT-TC hoặc số dư khả dụng của Tài khoản lương tính có tính năng thanh toán (tùy số nào nhỏ hơn). Thu nợ lãi thấu chi: Cuối tháng, lãi thấu chi tự động được hạch toán vào tài khoản lương tính thấu chi. Cuối ngày đầu tiên tháng kế tiếp, Ngân hàng thực hiện thu lãi thấu chi từ tài khoản lương tính thanh toán tương tự như thu nợ gốc thấu chi. Trường hợp số dư có còn được sử dụng của Tài khoản lương tính thanh toán < (Số dư nợ của Tài khoản lương tính thấu chi vượt HMTK Khách hàng được cấp), Bên vay sẽ phải nộp tiền vào Tài khoản lương

tính thanh toán và/hoặc Ngân hàng sẽ thực hiện trích các Tài khoản khác của Bên vay để thu nợ lãi. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất: 9,4%/năm. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần, và lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định theo công thức như sau: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + 1,50%/năm. Trong đó: Lãi suất cho vay: Là lãi suất cho vay/chiết khấu/ đầu tư trái phiếu doanh nghiệp áp dụng đối với khách hàng; Lãi suất cơ sở: Là lãi suất cơ sở tại thời điểm áp dụng/điều chỉnh lãi suất và được Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ. Margin: Là biên độ lãi suất cho vay/ chiết khấu/ đầu tư trái phiếu doanh nghiệp tối thiểu áp dụng đối với khách hàng trong các tháng tiếp theo của khoản vay sau thời gian áp dụng lãi suất tối thiểu.

Từ khi vay đến ngày 01/12/2021, bà X đã trả lãi được 6.021.150 đồng, chưa trả vốn gốc. Tính đến ngày 30/6/2022 bà X còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 70.000.000 đồng và lãi 7.116.137 đồng (gồm lãi trong hạn 25.291 đồng, lãi quá hạn 7.090.846 đồng), tổng cộng 77.116.137 đồng.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, từ ngày 01/11/2021, bà Lê Thị Thê X đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng B và phía Ngân hàng cũng đã nhiều lần đến nhà dân, cũng như lập nhiều biên bản làm việc với khách hàng để xử lý khoản nợ vay nhưng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Thê X phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B theo 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên, tổng cộng số tiền vốn và lãi là 258.190.102 đồng. Trong đó vốn gốc 236.610.000 đồng, lãi 21.580.102 đồng (gồm lãi trong hạn 12.731.549 đồng, lãi quá hạn 8.848.553 đồng). Đồng thời yêu cầu bà X phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Thê X, nhưng bà X không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Lê Thị Thê X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà X.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng B, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Xuyên có ký kết 02 Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, cụ thể:

- *Hợp đồng tín dụng số HDTD40B202000291 ngày 29/12/2020*, số tiền vay 200.000.000 đồng (bút lục 16). Thời hạn cho vay là 05 năm, gốc được chia làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.667.000 đồng, vào ngày 01 hàng tháng, kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày đáo hạn của hợp đồng tín dụng. Kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 01/02/2021, kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày đáo hạn của hợp đồng tín dụng. Kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 01/02/2021. Lãi suất: Số tiền 100.000.000 đồng áp dụng lãi suất ưu đãi là 9,4%/năm và số tiền 100.000.000 đồng áp dụng lãi suất thường là 12,7%/năm. Kỳ hạn trả nợ lãi: Lãi vay được trả cùng với tiền gốc, lãi vay tính theo dư nợ thực tế. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Mục đích vay tiêu dùng không có tài sản đảm bảo.

- *Hợp đồng tín dụng số HDTD40B202000290 ngày 29/12/2020*, số tiền vay 70.000.000 đồng (bút lục 21). Thời hạn hiệu lực của hợp đồng cho vay là 01 năm. Phương thức cho vay: Cấp hạn mức thấu chi không tài sản bảo đảm. Thu nợ gốc thấu chi: Nợ gốc được tự động trả vào cuối ngày khi hệ thống tự động trích từ tài khoản lương tính. Thu nợ lãi thấu chi: Cuối tháng, lãi thấu chi tự động được hạch toán vào tài khoản lương tính thấu chi. Cuối ngày đầu tiên tháng kế tiếp, Ngân hàng thực hiện thu lãi thấu chi từ tài khoản lương tính thanh toán tương tự như thu nợ gốc thấu chi. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất: 9,4%/năm. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần và lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định theo công thức như sau: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + 1,50%/năm

Từ khi vay đến ngày 01/12/2021, bà X đã trả lãi được 6.021.150 đồng, chưa trả vốn gốc. Tính đến ngày 30/6/2022 bà X còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 70.000.000 đồng và lãi 7.116.137 đồng (gồm lãi trong hạn 25.291 đồng, lãi quá hạn 7.090.846 đồng), tổng cộng 77.116.137 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn và lãi theo 02 hợp đồng tín dụng trên là 258.190.102 đồng. Trong đó vốn gốc 236.610.000 đồng, lãi 21.580.102 đồng (gồm lãi trong hạn 12.731.549 đồng, lãi quá hạn 8.848.553 đồng). Đồng thời yêu cầu bà X trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[3] Xét thấy, việc bà X không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, bà X là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X không có văn bản trình bày ý kiến, cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình, nên căn cứ vào hợp đồng tín dụng nêu trên và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định bà X có vay tiền của Ngân hàng theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 30/6/2022 còn nợ Ngân hàng vốn và lãi theo 02 hợp đồng tín dụng là 258.190.102 đồng. Trong đó vốn gốc 236.610.000 đồng, lãi 21.580.102 đồng (gồm lãi trong hạn 12.731.549 đồng, lãi quá hạn 8.848.553 đồng), nên Ngân hàng yêu cầu bà Xuyên trả số nợ nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hai Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng

Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu bà X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 30/6/2022 của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 258.190.102 đồng. Trong đó vốn gốc 236.610.000 đồng, lãi 21.580.102 đồng (gồm lãi trong hạn 12.731.549 đồng, lãi quá hạn 8.848.553 đồng) là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 01/7/2022, nếu bà X không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì bà X còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà X phải chịu 12.909.505 đồng án phí sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B.

Buộc bà Lê Thị Thê X trả cho Ngân hàng B tổng số tiền vốn gốc 236.610.000 đồng, lãi 21.580.102 đồng (gồm lãi trong hạn 12.731.549 đồng, lãi quá hạn 8.848.553 đồng). Tổng cộng 258.190.102 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn một trăm lẻ hai đồng).

Kể từ ngày 01/7/2022, nếu bà Lê Thị Thê X không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng B, thì bà Lê Thị Thê X còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thê X phải chịu 12.909.505 đồng (Mười hai triệu chín trăm lẻ chín nghìn năm trăm lẻ năm đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.268.000 đồng (Sáu triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000264, ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa

thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh